

Số: 2189/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường giao thông liên xã từ bản Uông xã Mường Men qua bản Đá Mài, xã Tô Múa đến bản Pù Hiêng, xã Mường Tè, huyện Vân Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3826/UBND-KT ngày 26/9/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường giao thông liên xã từ bản Uông xã Mường Men qua bản Đá Mài xã Tô Múa đến bản Pù Hiêng xã Mường Tè, huyện Vân Hồ; Công văn số 2439/UBND-TNMT ngày 29/9/2023 của UBND huyện Vân Hồ về việc chỉnh sửa nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường giao thông liên xã từ bản Uông, xã Mường Men qua bản Đá Mài, xã Tô Múa đến bản Pù Hiêng, xã Mường Tè, huyện Vân Hồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 630/TTr-STNMT ngày 17/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường giao thông liên xã từ bản Uông, xã Mường Men qua bản Đá Mài, xã Tô Múa đến bản Pù Hiêng, xã Mường Tè, huyện Vân Hồ (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Vân Hồ (sau đây gọi là Chủ dự án) với những nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường có Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính

chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng mục công trình, các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế và có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Vân Hồ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh (công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



PHỤ LỤC:

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN XÃ TỪ BẢN UÔNG, XÃ MƯỜNG MEN QUA BẢN ĐÁ MÀI, XÃ TÔ MÙA ĐẾN BẢN PÙ HIỀNG, XÃ MƯỜNG TÈ, HUYỆN VÂN HỒ

(Kèm theo Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đường giao thông liên xã từ bản Uông, xã Mường Men qua bản Đá Mài, xã Tô Múa đến bản Pù Hiềng, xã Mường Tè, huyện Vân Hồ.
- Địa điểm thực hiện: Huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.
- Chủ dự án đầu tư: UBND huyện Vân Hồ.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi

- Không gian:
 - + Điểm đầu tuyến: Bản Uông, xã Mường Men, huyện Vân Hồ.
 - + Điểm cuối tuyến: Bản Pù Hiềng, xã Mường Tè, huyện Vân Hồ.
- Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2022 – 2024.

1.2.2. Quy mô, công suất

- Quy mô: Theo tiêu chuẩn đường GTNT loại B (TCVN 10380:2014) có chôn trước, với tổng chiều dài 7,6 km.
- Diện tích chiếm dụng: 9,5 ha (trong đó đất lúa 01 vụ, diện tích 0,1113 ha; đất rừng phòng hộ 2,92 ha; đất khác còn lại 6,4687 ha).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Thiết kế tuyến theo tiêu chuẩn đường GTNT loại B (TCVN 10380:2014), chiều dài 7,6 km.
 - Quy mô mặt cắt ngang:
 - + Bề rộng nền đường $B_{nền} = 4,0m$.
 - + Bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 3,0m$.
 - + Chiều rộng lề đường $B_{lề} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.
 - Mặt đường: Mặt đường được thiết kế bằng BTXM M250#. Căn cứ điều kiện nguồn vốn, mục tiêu của dự án, có kết cấu như sau:
 - + Lớp đáy khuôn đường đắp bằng đất đủ tiêu chuẩn dày 30cm đầm chặt $K \geq 95$; lớp móng bằng cấp phối đá dăm (Base B) dày 14cm, lót bạt dứa, mặt đường BTXM mác 250 dày 18cm.

+ Lê đường: Đắp bằng đất đầm chặt $K \geq 0,95$ phù hợp với cao độ mặt đường sau khi rải mặt và đảm bảo thoát nước ngang ra rãnh và hai bên đường.

- Tần suất lũ thiết kế: $H = 10\%$.

- Thoát nước dọc tuyến: Với những đoạn là nền đất hoặc đá cấp 4 tiết diện của rãnh hình thang đáy dưới rộng 40cm, sâu 30cm. Phía vai đường sử dụng độ dốc 1/1, phía taluy sử dụng độ dốc theo độ dốc mái taluy nền đường, dốc dọc rãnh theo dốc dọc của đường. Với những đoạn là nền đá cấp 3 tiết diện của rãnh hình tam giác có chiều sâu 30cm. Phía vai đường sử dụng độ dốc 1/0,67, phía taluy sử dụng độ dốc theo độ dốc mái taluy nền đường; dốc dọc rãnh theo dốc dọc của đường.

- Phạm vi đoạn tuyến gồm 18 công trình thoát nước ngang với khẩu độ D1,0m; D1,5m, D2,0 m và cống bản $L = 3,0m$ ($Km5+712,83$), $L = 6,0m$ ($Km0+56,70$). Giải pháp xây dựng các cống như sau:

+ Với cống tròn $D = 1,0-1,5m$: Ống cống lắp ghép BTCT M200#. Kết cấu thân cống, móng cống, tường cánh, tường đầu,... bằng BTXM mác 200 đổ tại chỗ M200#.

+ Với cống bản mô nhệ: Thiết kế với chiều dài $L = 3m$ và $L = 6m$; bề rộng cống bằng bề rộng nền đường. Kết cấu chính của cống như sau: Bản mặt cống, gờ chắn bánh xe, bản vượt bằng BTCT mác 300 đổ tại chỗ. Mũ mố bằng BTCT mác 250 đổ tại chỗ. Thân mố, thân tường cánh, móng mố, móng tường cánh, lòng cầu, thanh chống bằng BTXM mác 200 đổ tại chỗ. Mái taluy thượng, hạ lưu gia cố bằng BTXM mác 200 dày 15cm gia cường lưới thép D6, $a=10cm$, dưới đệm lớp vữa xi măng mác 100 dày 5cm, thiết kế cắm chân khay bằng BTXM mác 200. Hai bên đầu cống thiết kế cắm cọc tiêu và biển báo hạn chế tải trọng.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 9,5 ha.

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công cầu và các hạng mục công trình trên tuyến và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ,...

- Hoạt động tuyến đường phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông, trượt, sạt lở, sụt lún công trình.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án chiếm dụng 2,92 ha đất rừng phòng hộ (theo Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 9,5 ha, gồm đất lúa 1 vụ diện tích 0,1113 ha; đất rừng phòng hộ 2,92 ha; đất khác còn lại 6,4687 ha. Việc chiếm dụng đất làm suy giảm diện tích đất trồng lúa và giảm tỷ lệ che phủ rừng ảnh hưởng tới đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị mất đất lúa; ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng, đến khả năng phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai đối với diện tích rừng phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến mỹ quan, hoạt động giao thông và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; Nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông đường bộ; hoạt động bảo trì, duy tu, sửa chữa nhỏ trên tuyến đường phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân: lưu lượng 2,55m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, Amoni, Phosphat, dầu mỡ, tổng Coliform.

- Nước thải thi công xây dựng: lưu lượng 2,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, độ đục, COD, dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn: trên diện tích tuyến đường có lưu lượng 7.530 m³/ngày; trên diện tích 03 bãi thải có lưu lượng 5.947,7 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng nitơ, TSS, Photpho, COD.

b) Giai đoạn hoạt động

Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn trung bình 7.530m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng nitơ, Photpho, COD, TSS.

3.1.2. Bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình phát quang, giải phóng mặt bằng; xây lắp công trình phụ trợ, đường TC-VH; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, sinh khối thải và đất, đá thải; quá trình đào, đắp hố móng, nền công trình;

hoạt động của trạm nghiền sàng, máy trộn bê tông; hoạt động thi công đổ bê tông, thi công xây dựng các hạng mục công trình; hoạt động nổ mìn, phá đá. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, khí SO₂, NO_x, CO.

b) Giai đoạn hoạt động

Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của xe cộ lưu thông trên đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, khí SO₂, NO_x, CO, HC.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn xây dựng

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng. Thành phần gồm bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa... khối lượng khoảng 6,2 kg/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bảo trì, bảo dưỡng. Thành phần gồm bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa... khối lượng khoảng 2,5 kg/ngày.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn xây dựng: Phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật, san ủi mặt bằng, xây lắp các công trình phụ trợ, làm đường. Thành phần, khối lượng: chất thải là sinh khối gồm gốc, rễ, cành, lá cây, cỏ, cây bụi,...: 130,56 tấn; Đất, đá thải: 61.000 m³ (trong đó: đất, đá: 53.260 m³. Nền BTXM thải: 7.740 m³).

b) Giai đoạn hoạt động: Phát sinh từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng đường. Thành phần, khối lượng: Bê tông, nhựa đường bám dính,... 2-3 m³/đợt.

3.2.3. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng thiết bị, xe máy thi công; từ khu vực lán trại làm việc của công nhân. Thành phần, khối lượng: Găng tay, giẻ lau, dầu thải,... bóng đèn, chổi quét sơn, thùng đựng sơn: 2,8 kg/tháng.

b) Giai đoạn hoạt động: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa đường. Thành phần, khối lượng: Vỏ thùng chứa dầu, mỡ, giẻ lau dính dầu,...: 2kg/đợt.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công; hoạt động nổ mìn phá đá.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của các phương tiện giao thông qua lại trên tuyến đường.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Các rủi ro, sự cố

a) Giai đoạn xây dựng

- Sự cố trượt, sạt lở mái taluy công trình đường.

- Tai nạn lao động.

- Sự cố cháy nổ, cháy rừng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Tai nạn giao thông.

- Sự cố trượt, sạt lở mái taluy công trình đường.

3.4.2. Các tác động khác

a) Giai đoạn xây dựng

- Tác động của việc chiếm dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Tác động của quá trình đổ đất đá thải.

- Tác động của bom mìn tồn dư (nếu có);

- Tác động do thay đổi địa hình cảnh quan khu vực.

- Tác động đến tài nguyên sinh vật, hệ sinh thái trên cạn, dưới nước do hoạt động thi công.

- Tác động đến hoạt động giao thông đường bộ.


- Tác động đến kinh tế- xã hội khu vực.

- Tác động tới các công trình hiện hữu.

b) Giai đoạn hoạt động

- Tác động đến kinh tế - xã hội.

- Tác động đến hệ sinh thái dọc tuyến.

- Tác động đến dòng chảy. 

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại khu phụ trợ lán trại của công nhân; bố trí 02 bể lắng 2 ngăn tại 02 khu phụ trợ để thu gom, xử lý nước thải từ quá trình rửa chân tay, ăn uống, vệ sinh bát đĩa,...

- Đối với nước thải thi công xây dựng: Bố trí 01 bể lắng sơ bộ gần khu vực rửa xe, ở cuối công trường để thu gom và xử lý nước thải xây dựng phát sinh từ trộn bê tông, nước rửa máy móc, thiết bị trộn bê tông, rửa xe.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Khởi thông hệ thống mương thoát nước mưa xung quanh khu vực thi công thường xuyên.

- Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí, phương thức xả thải:

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Các khe, suối gần khu vực phụ trợ.

+ Vị trí xả thải: Thay đổi theo tuyến thi công.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Quy chuẩn kỹ thuật và hệ số áp dụng:

+ QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B ($K=1,2$).

+ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B ($K_q= 0,9, K_f= 1,2$).

b) Giai đoạn hoạt động

- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn:

+ Với những đoạn là nền đất hoặc đá cấp 4 tiết diện của rãnh hình thang đáy dưới rộng 40cm, sâu 30cm. Phía vai đường sử dụng độ dốc 1/1, phía taluy sử dụng độ dốc theo độ dốc mái taluy nền đường, dốc dọc rãnh theo dốc dọc của đường.

+ Với những đoạn là nền đá cấp 3 tiết diện của rãnh hình tam giác có chiều sâu 30cm. Phía vai đường sử dụng độ dốc 1/0,67, phía taluy sử dụng độ dốc theo độ dốc mái taluy nền đường; dốc dọc rãnh theo dốc dọc của đường.

+ Các cống ngang đường bố trí trên tuyến hiện tại chủ yếu là các cống thoát nước lưu vực. Phạm vi đoạn tuyến gồm 18 công trình thoát nước ngang với khẩu độ D1,0m; D1,5m, D2,0 m và cống bản L=3,0m, L=6,0m. Với cống tròn D= 1,0-2,0 m: Ống cống lắp ghép BTCT M200#. Kết cấu thân cống, móng cống, tường cánh, tường đầu,... bằng BTXM mác 200 đổ tại chỗ M200#.

- Thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước dọc, ngang tuyến và làm sạch bề mặt tuyến đường.

- Công trình xử lý: Không có.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường, phương tiện chuyên chở vật liệu thi công đạt quy định về an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; che phủ bạt kín phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, sinh khối thải, đất, đá thải khi vận chuyển, không để rơi vãi vật liệu, sinh khối thải và đất, đá thải; lập kế hoạch bố trí phương tiện ra vào khu vực thi công phù hợp, tránh xung đột, va chạm.

- Bố trí cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; sử dụng xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu chính với tần suất từ 3-4 lần/ngày (*trừ những ngày mưa*), tăng tần suất tưới vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp công trình xây dựng với tần suất 01 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và hệ số áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên thu dọn đất cát trên mặt đường để giảm phát sinh bụi.

- Các xe chở vật liệu, hàng hóa phải tuân thủ quy định về vận chuyển hàng hóa, được che chắn, tránh để rơi vãi hàng hóa, vật liệu ra đường và phải tuân thủ đúng tốc độ quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác tại các khu vực lán trại công nhân để thu gom, lưu giữ. Đối với các loại rác không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom và đem chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn xây dựng.

+ Đối với chất thải là sinh khối được cho các hộ dân tận dụng làm củi đốt, làm thức ăn chăn nuôi gia súc, làm phân bón;

+ Với đất, đá thải được đổ thải tại 03 bãi thải: Bãi thải số 01 nằm tại Km1+906,99-Km2+37,07 với sức chứa 40.000 m³. Bãi thải số 02 nằm tại

Km3+290m-Km3+317,83 với sức chứa 8.537m³. Bãi thải số 03 nằm tại Km4+608-Km4+682.91 với sức chứa 26.500 m³;

Các bãi thải được xây dựng theo thiết kế kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được sự đồng ý về vị trí đổ thải của chính quyền địa phương. Xây dựng quy trình đổ thải đảm bảo kỹ thuật, an toàn, các lớp đất, đá đổ thải được lu nèn chặt để ngăn sạt lở, giảm bụi và đất đá bị nước mưa cuốn trôi. Kết thúc đổ thải phải san gạt bề mặt bãi thải cho bằng phẳng, tạo độ dốc thoát tự nhiên trước khi bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý, sử dụng. Chỉ đổ đất, đá thải, phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công vào bãi thải sau khi bãi thải đã được thi công theo thiết kế kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo việc tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường tại các khu vực thi công xây dựng.

Vị trí các bãi thải đã được đại diện chủ đầu tư, UBND các xã Mường Men, Tô Múa, Mường Tè và các hộ dân thống nhất tại Biên bản làm việc ngày 10/5/2023.

b) Giai đoạn hoạt động: Công nhân tham gia bảo trì, bảo dưỡng dự án tự thu gom và đổ thải tại khu vực quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại tạm thời với diện tích khoảng 6,0m², có mái che, nền chống thấm, vách được xây kín tránh được nắng mưa tại công trường thi công. Khu vực kho chứa bố trí biển báo hiệu về chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bố trí các thùng chứa chất thải riêng từng loại chất thải theo quy định trong kho.

- Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/BTNMT.

b) Giai đoạn hoạt động

Đơn vị bảo dưỡng, vận hành thực hiện thu gom và xử lý đúng theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn xây dựng

- Công trình, biện pháp: Sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị; sử dụng các kết cấu đàn hồi, kê chân máy,... không thi công vào các khung giờ từ 12h - 13h30, từ 18h - 6h sáng hôm sau.

- Phương tiện vận chuyển không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết; lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc, phương

tiện thi công có tiếng ồn, độ rung cao.

- Hạn chế sử dụng còi khi đi qua khu vực đông dân cư, trường học.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b) Giai đoạn hoạt động: Bố trí biển báo tốc độ tối đa cho phép theo đúng quy định. Kiểm tra tải trọng xe, tránh tình trạng xe có tải trọng vượt công suất thiết kế lưu thông trên tuyến đường nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung phát sinh.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn xây dựng

- Sự cố sạt trượt đất đá: Đồ thải đúng trình tự, dung tích, đưa bãi thải về trạng thái an toàn sau khi kết thúc đổ thải; giám sát khu vực thi công trước, trong và sau các đợt mưa lớn.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, tập huấn cho cán bộ, công nhân về an toàn lao động; kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên máy móc thiết bị thi công; lập kế hoạch cấp cứu khi xảy ra tai nạn lao động.

- Sự cố cháy nổ, cháy rừng: Xây dựng nội quy và tuân thủ nội quy phòng cháy chữa cháy trên công trường; trang bị đầy đủ trang thiết bị và tập huấn cho cán bộ công nhân thi công về phòng cháy chữa cháy.

- Sự cố do thiên tai.

+ Theo dõi dự báo thời tiết, che chắn công trình mới xây dựng trước khi mưa bão, ngưng hoạt động thi công khi có mưa lớn và bão.

+ Thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Vân Hồ để cập nhật thông tin về thiên tai và chuẩn bị các phương án ứng phó sự cố.

b) Giai đoạn hoạt động

- Sự cố tai nạn giao thông: Lắp đặt biển cảnh báo, gương tại các khu vực khuất, dễ xảy ra tai nạn; thường xuyên bảo trì bảo dưỡng đảm bảo chất lượng đường.

- Sự cố sạt lở taluy, sụt lún, đứt gãy lòng đường: Cử cán bộ định kỳ kiểm tra các tuyến đường; tổ chức khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a) Giai đoạn xây dựng

- Chủ Dự án phải thực hiện đúng theo phương án trồng rừng thay thế được phê

duyệt. Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định đối với diện tích đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- An toàn bãi thải: Chấp hành tuyệt đối quy trình đổ thải; cấm biển báo, rào chắn tại cổng ra vào; quản lý xe ra vào; thực hiện giám sát an toàn bãi thải trong suốt quá trình thi công.

- Thực hiện rà phá bom, mìn khu vực Dự án trước khi thi công xây dựng.

- Giảm thiểu tác động làm thay đổi cảnh quan khu vực:

+ Tháo dỡ các nhà tạm, lán trại và các công trình phụ trợ. Thu dọn bãi tập kết nguyên vật liệu. San lấp các hố lún, rãnh thoát nước, hố ga xung quanh kho bãi đưa về trạng thái an toàn sau khi hoàn thành thi công.

+ Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như trả lại cho cộng đồng sử dụng và người dân canh tác.

- Giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái và đa dạng sinh học.

+ Chỉ phát quang trong ranh giới dự án, không lấn chiếm diện tích xung quanh;

+ Thu gom, dọn dẹp sạch sẽ mặt bằng thi công công trình sau từng ngày làm việc và khi kết thúc quá trình thi công.

+ Nghiêm cấm và có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với những hành vi xâm hại đa dạng sinh học khu vực thi công xây dựng (*săn bắt động vật và chặt phá cây cối,...* khu vực lân cận dự án) của cán bộ, công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông

+ Kiểm tra tải trọng, chia nhỏ khối lượng vận chuyển; bố trí thời gian vận chuyển hợp lý, vận chuyển đúng tốc độ, che chắn thùng xe cẩn thận.

+ Phối hợp, thỏa thuận với chính quyền địa phương về việc sử dụng các tuyến đường cho hoạt động vận chuyển.

- Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội.

+ Nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

+ Quản lý chặt chẽ công nhân xây dựng và phối hợp với chính quyền cấp xã và bản có biện pháp hòa giải khi có mâu thuẫn, xung đột với người dân địa phương.

+ Nghiêm cấm việc lợi dụng dự án khai thác rừng trái phép.

- Giảm thiểu tác động đến các công trình hiện hữu: Quá trình thi công đảm bảo không sạt trượt, rung động ảnh hưởng đến nhà cửa của người dân, các công trình của nhà nước gần khu vực thi công.

b) Giai đoạn hoạt động

- Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội: Lắp đặt các biển cảnh báo, phối hợp với cơ quan có chức năng trong việc báo cáo các hành vi trộm cướp, vận chuyển gỗ và động vật hoang dã trái phép.

- Giảm thiểu tác động đến dòng chảy: Bố trí các công thoát nước dọc tuyến đường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý chất thải rắn xây dựng; giám sát việc vận chuyển đất đá thải trong quá trình xây dựng; giám sát việc gia cố bãi thải, hiện tượng trượt sạt bãi thải.

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng công trình, khu vực bãi thải.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

b) Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

c) Giám sát quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

- Thông số giám sát: Giám sát về số lượng phương tiện vận chuyển, khối lượng vận chuyển, tình hình rơi vãi nguyên, nhiên, vật liệu.

- Tần suất: Liên tục trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

d) Giám sát sạt lở, sụt lún công trình

- Thông số giám sát: Mức độ sạt lở, sụt lún.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng đường giao thông, khu vực bãi thải.

- Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công.

đ) Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí: 01 điểm giáp với khu dân cư bản Uông; 01 điểm bản Đá Mài; 01 điểm

bản Pù Hiêng.

- Thông số: Nhiệt độ, CO, NO₂, SO₂, TSP, tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.2. Giai đoạn hoạt động

- Giám sát sạt lở, sụt lún công trình: Đơn vị vận hành sẽ thực hiện giám sát sụt lún công trình, để kịp thời ứng phó các sự cố có thể xảy ra.
- Tần suất giám sát: Trong suốt quá trình vận hành dự án.
- Vị trí giám sát: Tại tất cả các điểm trên tuyến đường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, lâm nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường.

- Thực hiện đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan đến dự án.

- Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

- Trong quá trình thi công và vận hành dự án phải đảm bảo hạn chế tối đa các sự cố sạt lở đối với hai bên bờ taluy đường làm ảnh hưởng đến khu vực dân cư và khu vực canh tác (*hoa màu, cây trồng, nguồn nước,...*) của người dân khu vực và các công trình hạ tầng khác, trường hợp phát sinh thêm những tác động chưa kịp thời rà soát, đánh giá đề cập trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án phải lập phương án khắc phục, giảm thiểu; đồng thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) và chịu trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo các điều kiện về an sinh xã hội theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải, chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh.

- Triển khai trồng rừng thay thế trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện nhằm hạn chế các tác động đến môi trường sinh thái theo đúng quy định.

- Xây dựng và công khai Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong

giai đoạn thi công dự án gửi Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Vân Hồ, UBND các xã Mường Men, Tô Múa, Mường Tè (*đặc biệt liên quan đến các sự cố về sạt lở đất đá, mưa bão,...*). Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, chương trình quan trắc, giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản trong diện tích đất của dự án được sử dụng cho xây dựng công trình của dự án tại UBND tỉnh (*nộp hồ sơ về Trung tâm phục vụ hành chính công*) theo đúng quy định của Luật Khoáng sản.

- Bố trí kinh phí thực hiện quy định về bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội./.